

BỔ SUNG MỘT LOÀI CỦA CHI *CLAUSENA* BURM. F. (RUTACEAE) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

BÙI THU HÀ, VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trên thế giới, chi *Clausena* có khoảng 15 loài. Ở Việt Nam, Phạm Hoàng Hộ mô tả chi này có 10 loài [12]. Tuy nhiên, *Clausena dentata* (Willd.) Roem. và *Clausena dunniana* Lévl. & Fedde. nay đã trở thành synonym (tên đồng nghĩa) của *Clausena anisata* (Willd.) Hook. f. & Benth.

Theo Phạm Hoàng Hộ, có loài *Clausena dimidata* Tan.; chúng tôi đã tìm rất kỹ trong các tài liệu chuyên khảo về họ Rutaceae và chi *Clausena* ở trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các tài liệu của M. Tyōzaburō Tanaka, nhưng cũng chưa thấy tài liệu nào đề cập đến loài này. Theo mô tả của Phạm Hoàng Hộ, có rất ít đặc điểm để có thể định loại loài này và theo mô tả thì có nhiều điểm giống với loài *Clausena anisata* (Willd.) Hook. f. & Benth. Vì vậy, chúng tôi không đưa loài này vào khoá định loại và vẫn đang tìm tài liệu để có thể xác định phân loại rõ hơn.

Loài *Clausena poilanei* J. F. Molino mới được công bố vào năm 1994, mặc dù mẫu vật thu tại Việt Nam (Lâm Đồng) từ năm 1934; loài này chưa được đề cập trong các tài liệu chuyên khảo ở Việt Nam.

Qua nghiên cứu và so sánh mẫu vật với các mẫu tiêu bản được lưu trữ tại các phòng tiêu bản ở Việt Nam, chúng tôi đã phát hiện loài *Clausena sanki* (Perrottet) J. F. Molino là loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam; mẫu vật được Vũ Xuân Phương thu tại đảo Vạn Gió, Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Khóa định loại các loài thuộc chi *Clausena* ở Việt Nam

- 1A. Cành không có cánh.
- 2A. Hoa mẫu 4.
- 3A. Chỉ nhị không có "khuỷu" (genouillés)

..... 1. *C. anisata*

3B. Chỉ nhị có "khuỷu".

4A. Bầu luôn 2 ô, vòi nhụy > 2 mm

..... 2. *C. lenis*

4B. Bầu khác 2 ô, vòi nhụy < 1 mm.

5A. Bầu có lông, vòi nhụy tồn tại ở quả non, số lượng lá chết > 13..... 3. *C. excavata*

5B. Bầu không có lông, vòi nhụy rụng sớm, số lượng lá chết < 11 4. *C. heptaphylla*

2B. Hoa mẫu 5

6A. Chỉ nhị không có "khuỷu", có dạng "hình dùi" 5. *C. indica*

6B. Chỉ nhị có "khuỷu" rở.

7A. Bầu có các hạch tuyến nổi rõ 6. *C. harmandiana*

7B. Bầu không có hạch tuyến nổi rõ

8A. Bầu có lông, quả dài 1,6-3 cm 7. *C. lanstium*

8B. Bầu nhẵn, quả dài 0,8-1,5 cm 8. *C. sanki*

1B. Cành có cánh 9. *C. poilanei*

Clausena sanki (Perrottet) J. F. Molino - Hồng bì sanki.

J. F. Molino, 1994. Bull. Mus. natl. Paris, 1: 132. *Cookia anisum-olens* Blanco, 1837. Fl. Filip. ed 1: 359. *Clausena anisum-olens* (Blanco) Merr., 1904. Govt. Lab. Publ. (Philip.) 17: 21. *C. emarginata* C. C. Huang, 1959. Acta Phytotax. Sin., 8: 93. *C. minor* C. C. Huang, 1959. Acta Phytotax. Sin., 8: 92.

Cây gỗ hay bụi, cao 2-15 m. Lá kép, dài 20-55 (100) cm, không có cánh. Lá chết 7-13 (19), kích thước lá chết rộng 1-3 cm, dài 25-10 cm,

có tuyến, nhẵn hoặc có lông, hình trứng hay trứng mác; cuống lá chét 1-5 mm; mép lá nguyên hay có khía; gốc tù; gân lá 5-7 đôi, nổi rõ mặt dưới, ở mặt trên không rõ; ngọn ở đỉnh. Cụm hoa tận cùng đôi khi ở nách lá, dạng chùy hay nón, dài 6-40 cm, phân nhánh (3-6 nhánh), trục có lông. Đường kính của nụ hoa 3-3,5 mm; hoa nở có đường kính 6-8 mm; cuống hoa ngắn 0,3-2 mm, nhẵn hoặc có ít lông. Hoa mẫu 5, lưỡng tính. Đài 5, dài 0,5-1,7 mm, nhẵn hay có lông mặt ngoài, có tuyến. Tràng 5, màu trắng lục, hình trứng hay hình bầu dục, dài 3-5 mm,

có tuyến. Nhị 10; chỉ nhị có "khuyết" (genouillé); bao phấn màu vàng, hình trứng, hình bầu dục hay thuôn, dài 1-1,2 mm; chỉ nhị ngắn hơn bao phấn, phình rộng ở phía dưới. Bầu hình cầu, cao 0,8-1,5 mm, đường kính 0,8-1 mm, nhẵn, 5 ô. Cuống bầu cao 0,3-0,5 mm, đường kính 0,4-0,5 mm, thường thót lại ở giữa; vòi nhụy 5 thùy, dày, cao 0,9-1 mm, đường kính 0,4-0,5 mm, 5 thùy. Quả hình cầu, hiếm khi hình trứng, có nhiều tuyến nhỏ nổi rõ, đường kính 0,8-1,5 mm, chứa 1-3 hạt, vỏ màu xanh lục.



Clausena sanki (Perrottet) J. F. Molino

1. cành mang quả; 2. bộ nhụy, dài; 3. hoa (khi tách tràng); 4. nhị; 5. quả cắt ngang.
(Hình theo Chang & Ching-en, 1993)

Typus: E. D. Merrill 1791, Benguet Subprov., Luzon, May 1914 (PNH!)

Sinh học, sinh thái: mùa hoa tháng 11.

Phân bố: Quảng Ninh (Hạ Long; đảo Vạn Gió).

Mẫu nghiên cứu: QUẢNG NINH, V. X. Phương 5490 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Guillaumin A., 1911: Rutaceae. in: Lecomte H., Flore Générale de l'Indochine, 1: 629-687, Paris.
2. Tanaka T., 1928a: Bull. Soc. Bot. France, sér. 5 (4): 708-715.
3. Tanaka T., 1928b: J. Arnold Arbor., 9(2-3): 137-144.
4. Tanaka T., 1930a: Bull. Mus. Hist. Nat., sér. 2(2): 157-164, Paris.
5. Tanaka T., 1930b: J. Bot. (Morot), 68: 225-236.
6. Tanaka T., 1932: Philippine Rutaceae-Aurantieae (Revisio Aurantiacearum).

7. Tanaka T., 1936: Blume, 2: 101-110.
8. Tanaka T., 1937: J. Ind. Bot. Soc., 16: 227-240.
9. Swingle W. T., 1944: The Citrus Industry, 1: 129-474.
10. Chang et al., 1993: Flora of Taiwan., 3: 517-519, Taipei.
11. Molino J. F., 1994: Bull. Mus. natl. Hist. Nat., 1: 105-153, Paris.
12. Phạm Hoàng Hộ, 2000: Rutaceae. Cây cỏ Việt Nam, 2. NXB Trẻ.

A NEW RECORD OF GENUS *CLAUSENA* BURM. F. (RUTACEAE) FOR THE FLORA OF VIETNAM

BUI THU HA, VU XUAN PHUONG

SUMMARY

Clausena sanki (Perrottet) J. F. Molino is a new record for the flora of Vietnam. It has some especial characters as: rachis without wing, flower 5-merous, filaments with "genouilles", ovary glabrous and glands. It was collected in the Quangninh province (Halong: Vangio).

Ngày nhận bài: 31-10-2002